

Số: /QĐ-BQLDA Ninh Thuận, ngày tháng 12 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố công khai điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024  
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông**

### GIÁM ĐỐC BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÁC CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ-UBND ngày 06/02/2017 của UBND tỉnh về việc thành lập Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và được sửa đổi, bổ sung tại các Quyết định của UBND tỉnh Ninh Thuận: Quyết định số 51/QĐ-UBND ngày 24/02/2017, Quyết định số 57a/QĐ-UBND ngày 14/3/2017 và Quyết định số 157/QĐ-UBND ngày 30/5/2017;

Căn cứ Quyết định số 1730/QĐ-UBND ngày 25/11/2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 647/QĐ-UBND ngày 21/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, về việc giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính giai đoạn 2023 – 2025 đối với Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông;

Căn cứ Quyết định số 145/QĐ-UBND ngày 24/12/2024 của Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận, về việc phê duyệt điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Hành chính - Tổng hợp,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán thu, chi quản lý dự án năm 2024 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận (*Theo biểu số 2 đính kèm Quyết định này*)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký;

**Điều 3.** Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh Ninh Thuận và Thủ trưởng các cơ quan đơn vị có liên quan căn cứ thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở Tài chính (b/c);
- Công khai tại CQ và trang web;
- BQL (LĐ, KT, VT).

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Minh Tân**

### DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-BQLDA ngày tháng 12 năm 2024  
của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông)

Stt	Nội dung	Dự toán được duyệt năm 2024	Số điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh
<b>A</b>	<b>DỰ TOÁN THU</b>			
<b>I</b>	<b>Tổng số thu</b>	<b>6.958.313.638</b>	<b>0</b>	<b>6.958.313.638</b>
1	Nguồn kinh phí năm trước chuyển sang	60.000.000	-	60.000.000
2	Nguồn trích từ các dự án được giao quản lý	6.898.313.638	-	6.898.313.638
-	Nguồn trích quản lý dự án	6.516.487.818	-	6.516.487.818
-	Nguồn thu khác từ dự án được giao quản lý	381.825.820	-	381.825.820
3	Dự toán được bổ sung trong năm	-	-	-
4	Nguồn thu từ hoạt động dịch vụ tư vấn (nếu có) bao gồm các khoản thuế phải nộp	-	-	-
5	Nguồn thu hợp pháp khác	-	-	-
<b>II</b>	<b>Nguồn chuyển sang năm sau tiếp tục sử dụng</b>	-	-	-
<b>III</b>	<b>Nguồn thu được sử dụng trong năm (III) = (I) – (II) + (d)</b>	<b>6.958.313.638</b>	<b>569.000.000</b>	<b>7.527.313.638</b>
1	Nguồn kinh phí NSNN cấp chi thường xuyên không giao tự chủ (nếu có) (a)	-	-	-
2	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi thường xuyên (c)	6.958.313.638	-	6.958.313.638
3	Nguồn NSNN cấp cho chi không thường xuyên (nếu có) (b)	-	-	-

Stt	Nội dung	Dự toán được duyệt năm 2024	Số điều chỉnh, bổ sung	Dự toán sau điều chỉnh
4	Nguồn thu được sử dụng trong năm dành cho chi không thường xuyên (nếu có) (d)		569.000.000	569.000.000
<b>B</b>	<b>DỰ TOÁN CHI</b>	<b>6.958.313.638</b>	<b>569.000.000</b>	<b>7.527.313.638</b>
<b>I</b>	<b>Chi thường xuyên</b>	<b>6.958.313.638</b>		<b>6.958.313.638</b>
1	Tiền lương	2.977.064.000	6.058.260	2.983.122.260
2	Các khoản phụ cấp lương	116.748.000	-	116.748.000
3	Các khoản trích nộp theo lương	633.478.320	17.502.353	650.980.673
4	Khen thưởng	150.000.000	140.908.800	290.908.800
5	Phúc lợi	-	123.186.281	123.186.281
6	Thanh toán DV công cộng	576.235.600	-	576.235.600
7	Mua vật tư văn phòng	206.231.200	-	206.231.200
8	Thanh toán thông tin, tuyên truyền, liên lạc	320.120.230	-	320.120.230
9	Hội nghị	69.400.000	-	69.400.000
10	Thanh toán công tác phí	718.523.100	-	718.523.100
11	Thuê mướn	155.400.000	-	155.400.000
12	Đoàn đi C/tác nước ngoài	-	-	-
13	Đoàn vào	-	-	-
14	S/chữa thường xuyên TS	356.379.218	-	356.379.218
15	Khác (Trong đó kinh phí tổ chức cơ sở đảng là 24.526.424 đồng)	391.078.276	-	391.078.276
16	Dự phòng	287.655.694	- 287.655.694	-
<b>II</b>	<b>Chi không thường xuyên</b>	<b>-</b>	<b>569.000.000</b>	<b>569.000.000</b>
1	Chi đầu tư XD cơ bản	-	-	-
2	Mua sắm trang thiết bị, tài sản dùng cho quản lý dự án	-	61.000.000	61.000.000
3	S/chữa lớn tài sản cố định	-	436.000.000	436.000.000
4	Chi thực hiện tinh giản biên chế (nếu có)	-	-	-
5	Chi khác	-	72.000.000	72.000.000